

Bản án số: 02/2018/DS - PT

Ngày 8 -11 - 2018

V/V Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuyển

Các thẩm phán: ông Trần Hữu Sỹ và bà Từ Thị Hải Dương

Thư ký Tòa án: Bà Hoàng Thị Hương Giang - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 8 tháng 11 năm 2018, tại phòng xét xử án kinh tế trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2018/TLPT/KDTM ngày 22 tháng 10 năm 2018, về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng do bản án số 01/2018/KDTM –ST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình có kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2018/QĐ-PT ngày 24/10/2018, giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A - Địa chỉ: Số X Trần Hữu D, khu M, huyện T, Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Quang Đ – Giám đốc A - Chi nhánh huyện Q, tỉnh Quảng Bình- có mặt.

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị K

Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình- có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Ngọc V - Địa chỉ: Khu B, thị trấn H, huyện Q, Quảng Bình- có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2017 và bản tự khai, các biên bản hòa giải, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng A (gọi tắt là A) – ông Lê Quang Đ trình bày:

Ngày 10/5/1996 bà Đoàn Thị K và A – Chi nhánh huyện Q có ký kết Sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn số 629D (NA 0256529) có xác nhận của UBND xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, theo đó bà K làm đơn xin vay tiền ngày 15/5/1996

nội dung là vay 50.000.000 đồng, lãi suất 1,92%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, phương thức trả 2 kỳ, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 20 tháng 4 năm 1997. Mục đích vay là sửa chữa ao hồ, nuôi tôm (do bà K lập dự án).

Để đảm bảo cho việc vay, bà Đoàn Thị K đã sử dụng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có diện tích 90m² (đất ở) thuộc thửa 420, tờ bản đồ số 6 tại xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là Tiểu khu B, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 194953, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01070 cấp ngày 15/4/1991 mang tên ông Trần Ngọc V (là chồng của bà Đoàn Thị K). Hai bên có lập Tờ khai thế chấp tài sản vay vốn ngân hàng A có chữ ký của bà K và ông V, có xác nhận của UBND huyện Q số 565/a ngày 15/5/1996. Hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V đang được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo khoản vay.

Sau khi vay tiền vào ngày 15/5/1996, bà K đã trả cho ngân hàng như sau:

Nợ gốc: Ngày 07/10/2002 trả 1.000.000 đồng; ngày 02/12/2002 trả 200.000 đồng. Nợ lãi: đã trả 6.880.0000 đồng (trong đó trả lãi trong hạn 3.424.000 đồng, lãi quá hạn 3.456.000 đồng). Từ ngày 30/12/2002 đến nay, bà K không trả gốc và lãi cho A theo thỏa thuận.

Tại đơn khởi kiện A yêu cầu bà K có trách nhiệm trả cho A - Chi nhánh huyện Q, tỉnh Quảng Bình số tiền 329.103.600 đồng, trong đó nợ gốc 48.800.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày có đơn khởi kiện là 280.303.600 đồng (Nợ lãi trong hạn 191.626.400đồng; Nợ lãi quá hạn 88.677.200đồng) và số tiền lãi phát sinh theo Đơn xin vay tiền ngày 15/5/1996 đã ký giữa Ngân hàng A – Chi nhánh huyện Q, tỉnh Quảng Bình và bà Đoàn Thị K cho đến ngày bà Đoàn Thị K trả nợ xong cho A.

Trường hợp bà Đoàn Thị K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho A, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tuyên xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ vay gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 194953, có diện tích 90m², thuộc thửa đất số 420, tờ bản đồ số 6 do UBND huyện Q cấp ngày 15/4/1991 đứng tên ông Trần Ngọc V theo Tờ khai thế chấp tài sản vay vốn ngân hàng nông nghiệp Việt Nam ngày 10/5/1996 đã được UBND huyện Q công chứng ngày 15/5/1996.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của A, ông Lê Quang Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Đoàn Thị K có trách nhiệm trả nợ gốc 48.800.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử là 292.381.600 đồng, trong đó, lãi trong hạn 199.678.400 đồng, lãi quá hạn là 92.703.200 đồng. A không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu, không buộc ông V cùng có trách nhiệm với bà K trả nợ và ngân hàng đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Ngọc V khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Đoàn Thị K quá trình giải quyết vụ án, tại các bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày như sau:

Vào tháng 4/1996 bà Phan Thị T ở tại tiểu khu E, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình có mượn giấy chứng nhận quyền sử đất của gia đình bà để vay vốn

ngân hàng, do tin tưởng bà T nên bà giao giấy đất của ông V cho bà T làm thủ tục để vay vốn và bà thừa nhận có ký vào các loại giấy tờ, hồ sơ vay vốn mà bà T đã lập, trong đó có ký vào sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn, sổ lưu tờ rời hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn, tờ khai thế chấp vay vốn A. Sau đó bà không nhận tiền mà bà T nhận 50.000.000 đồng từ Ngân hàng và trả lãi cho Ngân hàng. Vào năm 1998, bà T bị khởi tố và bị Tòa án xử phạt 20 năm tù giam, buộc trả lại cho bà 50.000.000 đồng. Việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Ngọc V cho ngân hàng, bà cho rằng ông V không biết và cũng không ký vào hồ sơ thế chấp cũng như thừa kế khoản nợ của bà. Hiện do bà T chưa trả cho bà nên bà chưa có tiền trả cho Ngân hàng.

Nay theo yêu cầu của Ngân hàng, bà cho rằng bà Phan Thị T trả tiền cho bà theo bản án hình sự thì bà mới có tiền trả cho Ngân hàng và tại phiên tòa, bà cho rằng không nhận tiền từ ngân hàng nên không chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Bà Phan Thị T trình bày tại bản tự khai ngày 09/5/2018 như sau: Vào năm 1996 bà và bà K có quan hệ quen biết, bà Kiều có cho bà mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Ngọc V. Sau đó bà làm thủ tục vay vốn ngân hàng, chồng bà là ông Lê Văn K1 (chết năm 2016) trực tiếp làm thủ tục với ngân hàng để nhận tiền, việc ai ký tên “V” vào hồ sơ bà không rõ. Bà T cho rằng ông V không biết và không ký tên vào hồ sơ vay vốn.

Bà T trình bày việc nợ nần giữa bà với bà K đã được giải quyết theo bản án số 67/HSST ngày 18/11/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Bản án số 139 ngày 17/3/1998 của Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, nên trong vụ kiện này bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại bản án số: 01/2018/KDTM –ST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng các Điều 131, 136, 146, 471, 473 của Bộ luật dân sự 1995;

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc bà Đoàn Thị K có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng A số tiền 341.181.600 đồng (Ba trăm bốn mươi một triệu một trăm tám mươi một ngàn sáu trăm đồng) trong đó nợ gốc là 48.800.0000 đồng, nợ lãi trong hạn là 199.678.400 đồng và nợ lãi quá hạn là 92.703.200 đồng.

Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc không buộc ông Trần Ngọc V thừa kế khoản nợ và cùng có trách nhiệm với bà Đoàn Thị K trả nợ cho Ngân hàng. Đình chỉ đối với yêu cầu này của Ngân hàng A. Ông Trần Ngọc V không có trách nhiệm thừa kế khoản nợ của bà K về việc trả nợ cho ngân hàng A.

Tuyên bố việc thế chấp tài sản tài sản theo Tờ khai thế chấp tài sản vay vốn ngân hàng A ngày 10/5/1996 đã được UBND huyện Q công chứng ngày 15/5/1996 gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 194953, có diện tích 90m², thuộc thửa đất số 420, tờ bản đồ số 6 tại Tiểu khu B thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình do UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 15/4/1991 cho ông Trần Ngọc V là hợp đồng vô hiệu.

Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc V: Buộc Ngân hàng A có trách nhiệm giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 194953 do UBND huyện Q cấp ngày 15/4/1991 mang tên Trần Ngọc V cho ông Trần Ngọc V khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên buộc bà Đoàn Thị K phải nộp 17.059.000 án phí KDTM sơ thẩm, tuyên trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn A, cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc V, tuyên về lãi suất chậm trả và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 12/9/2018, bà Đoàn Thị K kháng cáo với nội dung: Bản án sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 05/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh buộc bà phải trả 292.381.600đ tiền lãi và 17.059.000đ tiền án phí sơ thẩm là quá lớn trong lúc hoàn cảnh kinh tế của bà gặp nhiều khó khăn, bản thân không có thu nhập ổn định, thường xuyên đau ốm nên không có khả năng nộp án phí và trả lãi cho Ngân hàng. Vì vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét miễn, giảm án phí cho bà và không buộc phải trả số tiền lãi trên cho Ngân hàng.

Ngày 26/10/2018, TAND tỉnh Quảng Bình nhận đơn tờ trình về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn A do ông Lê Quang Đ người đại diện theo uỷ quyền trình bày với nội dung: Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn bà Đoàn Thị K có kháng cáo với nội dung xin được miễn lãi do hoàn cảnh khó khăn, bản thân bệnh tật, A đồng ý. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết theo trình tự phúc thẩm để buộc bà K trả nợ gốc 48.800.000đ cho A và không yêu cầu tính lãi đối với bà K.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà K, ý kiến của đại diện Nguyên đơn về việc miễn lãi cho bà K, giảm án phí cho bà K theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2017 của Nguyên đơn A để yêu cầu bà Đoàn Thị K phải trả cho A – Chi nhánh huyện Q số tiền 329.103.600 đồng, trong đó nợ gốc 48.800.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày có đơn khởi kiện là 280.303.600 đồng theo Đơn xin vay tiền ngày 15/5/1996 của bà Đoàn Thị K và

Sổ lưu vay vốn ngắn hạn với số tiền 50.000.000đ, mục đích vay là sửa chữa ao hồ, nuôi tôm (do bà K lập dự án).

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc bà Đoàn Thị K vay số tiền 50.000.000đ tại A – Chi nhánh huyện Q với mục đích vay là sửa chữa ao hồ, nuôi tôm, bà K không phải là cá nhân hay tổ chức có đăng ký kinh doanh, sổ lưu vay vốn ngắn hạn không phải là đăng ký kinh doanh. Theo khoản 1 Điều 30 BLTTDS 2015 thì: *“Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận”*. Việc án sơ thẩm thụ lý vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại để giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS là chưa chính xác, đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2017 của Nguyên đơn A thuộc vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015.

Việc thụ lý, xét xử vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm không làm thay đổi bản chất của vụ án và chưa ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Theo quy định khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì *“trong trường hợp sau khi thụ lý vụ việc dân sự mới phát hiện được vụ việc dân sự thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa chuyên trách khác, thì Tòa chuyên trách đã thụ lý tiếp tục giải quyết vụ việc dân sự theo thủ tục chung, nhưng cần ghi số, ký hiệu và trích yếu trong bản án, quyết định theo đúng hướng dẫn tại Điều 3 của Nghị quyết này”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa ký hiệu, trích yếu vụ việc lại cho chính xác

[2] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định rằng: Ngày 10/5/1996 bị đơn bà Đoàn Thị K đã ký kết Sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn số 629D (NA 0256529) và ngày 15/5/1996 bà Kiều đã làm đơn xin vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 1,92%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, phương thức trả 2 kỳ, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 20 tháng 4 năm 1997; Mục đích vay là sửa chữa ao hồ, nuôi tôm (do bà Kiều lập dự án) được Ngân hàng A – Chi nhánh huyện Q đồng ý và bà Đoàn Thị Kiều đã nhận số tiền 50.000.000đ. Để đảm bảo cho việc vay, bà Đoàn Thị K đã sử dụng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có diện tích 90m² (đất ở) thuộc thửa 420, tờ bản đồ số 6 tại xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là Tiểu khu B, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 194953, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01070 cấp ngày 15/4/1991 mang tên ông Trần Ngọc V (là chồng của bà Đoàn Thị K).

Tại cấp sơ thẩm bà K cho rằng do tin tưởng bà T nên bà giao giấy đất của ông V cho bà T làm thủ tục để vay vốn và bà có ký vào các loại giấy tờ, hồ sơ vay vốn mà bà T đã lập, trong đó có ký vào sổ lưu hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn, sổ lưu tờ rời hộ sản xuất vay vốn ngắn hạn, tờ khai thế chấp vay vốn Ngân hàng A nhưng bà không nhận tiền, khoản vay này có liên quan đến bà Phan Thị T và khi nào bà Phan Thị T trả tiền cho bà theo bản án hình sự thì bà mới có tiền trả cho Ngân hàng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà K đã thừa nhận khoản

nợ vay nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà đề nghị xin được trả gốc, đề nghị Ngân hàng miễn lãi cho bà và đề nghị Toà án xem xét miễn giảm án phí cho bà. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy bản án sơ thẩm đã tuyên xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên Ngân hàng A để buộc bà Đoàn Thị K có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng A – Chi nhánh Q số tiền 341.181.600 đồng, trong đó nợ gốc là 48.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 199.678.400 đồng và nợ lãi quá hạn là 92.703.200 đồng. Đồng thời áp dụng án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ.

[3] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Ngày 26/10/2018, TAND tỉnh Quảng Bình nhận đơn Tờ trình về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng A do ông Lê Quang Đ người đại diện theo uỷ quyền trình bày với nội dung sau khi xét xử sơ thẩm, bà Đoàn Thị K kháng cáo xin không trả lãi và xin được miễn án phí, tại phiên tòa phúc thẩm phía Nguyên đơn đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết theo trình tự phúc thẩm chỉ yêu cầu buộc bà K trả nợ gốc 48.800.000đ cho A và không yêu cầu tính lãi đối với bà K, đồng thời xác nhận bà K đã trả đủ 48.800.000 đồng tiền gốc.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn A không có kháng cáo, tuy nhiên nội dung Tờ trình của A về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của A có liên quan đến nội dung kháng cáo của bị đơn bà Đoàn Thị K và phù hợp với nguyện vọng của người kháng cáo, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận để sửa án sơ thẩm theo yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Đoàn Thị K với nội dung việc Toà tuyên buộc bà phải trả cho Ngân hàng án phí quá lớn trong lúc hoàn cảnh kinh tế của bà gặp nhiều khó khăn, bản thân không có thu nhập ổn định, thường xuyên đau ốm và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét để miễn, giảm án phí, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Đoàn Thị K là cá nhân tham gia hợp đồng tín dụng, có đơn kháng cáo đề ngày 12/9/2018 của bà Đoàn Thị K có xác nhận của chính quyền địa phương UBND thị trấn H về việc trình bày của bà Đoàn Thị K là đúng sự thật. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị K để giảm cho bà 50% mức án phí bà phải chịu theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Kháng cáo của bà Đoàn Thị K được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí phúc thẩm.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do nguyên đơn A có yêu cầu về thay đổi yêu cầu khởi kiện, thay đổi số tiền yêu cầu bà K phải trả nên án phí được tính trên số tiền Nguyên đơn yêu cầu và được chấp nhận (là 48.800.000 đồng) và kháng cáo xin miễn, giảm án phí của bà được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận giảm 50% như nhận xét tại mục [4] nên bà Kiều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 1.220.000đ (48.800.000đ x 5% : 50%), nhưng bà được khấu trừ 2.000.000đ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004639 ngày 18/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh. Bà Kiều được nhận lại số tiền 780.000đ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Chấp chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị K để sửa án sơ thẩm:

1. Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 131, 136, 146, 471, 473 của Bộ luật dân sự 1995:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc bà Đoàn Thị K có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện Q số tiền nợ gốc là 48.800.0000 đồng. Bà Đoàn Thị K đã thi hành xong khoản tiền này.

2. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà Đoàn Thị K được chấp nhận nên bà K không phải chịu án phí phúc thẩm.

Sửa phần án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và xét đơn xin miễn giảm án phí của bà Đoàn Thị K, buộc bà Đoàn Thị K phải chịu 50% mức án phí có giá ngạch, bà Đoàn Thị K phải nộp 1.220.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được khấu trừ 2.000.000đ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004639 ngày 18/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh. Bà K được nhận lại số tiền 780.000đ.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Các đương sự;
- TAND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THA huyện Quảng Ninh;
- Lưu: HS vụ án, án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyên